

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 01 - 2021
V/v ly hôn giữa chị N và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quân;

Ông Phạm Thế Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 29, xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định;

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Tiến T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 29, xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định.

3. *Người làm chứng:* Bà Đỗ Thị Kiều N, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 29, xã XH, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, vắng mặt chị N, anh T, bà N. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Tiến T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định vào ngày 08/3/2013. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã cố gắng để chung sống hòa thuận, người thân cũng đã phân tích hòa giải nH vợ chồng vẫn không thể chung sống hạnh phúc. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị và anh T sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không còn cơ hội tiếp tục chung sống hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 23/7/2013 hiện đang ở cùng chị. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Sau đó tại phiên họp công khai chứng cứ và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/12/2020 chị N đã rút yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, cũng không nợ tài sản của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Tiến T đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy báo đến Tòa án làm việc nH đều vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N.

Người làm chứng là bà Đỗ Thị Kiều N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T. Việc chị N và anh T tự nguyện kết hôn, diễn biến cuộc sống chung vợ chồng, con chung của anh chị như chị N trình bày là đúng. Anh T hiện không ở nhà, đang đi làm ăn xa. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy báo của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đối với anh T bà đều thông báo ngay cho anh T biết nH anh T bận không thể về Tòa án làm việc được. Ý kiến của anh

T không là nhất trí ly hôn chị N, mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh chị không có tài sản gì, không nợ tài sản của ai.

Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương như sau: Về quan hệ hôn nhân, con chung, diễn biến cuộc sống vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Hiện nay anh T đi làm ăn xa không ở nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N đối với anh Đỗ Tiến T; giao con chung chưa thành niên cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị N và anh Đỗ Tiến T là hợp pháp, được xác lập từ ngày 08/3/2013. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị N xin ly hôn, anh T mặc dù đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án và không nhất trí ly hôn chị N NH không đến Tòa án làm việc cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Điều này chứng tỏ anh T không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị N. Anh chị sống ly thân từ tháng 3 năm 2020, không quan tâm đến nhau, như vậy anh chị đã không

thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải chung sống cùng nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị N đối với anh Đỗ Tiến T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 23/7/2013 đang ở cùng chị N. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu H có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị N là hợp pháp và phù hợp với điều kiện thực tế của các bên và nguyện vọng của con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung Đỗ Gia H cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Đỗ Tiến T.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Gia H, sinh ngày 23/7/2013 cho chị Đỗ Thị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001919 ngày 02/11/2020

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N, bị đơn anh Đỗ Tiến T có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã XH;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung